

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2018.

Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Lê Quang Xệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bô Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HPT ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có mặt;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 2, khu phố Đ, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ngày 15/4/2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, chửi bới, xúc phạm bà N, không đi làm, ông T cũng không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà N đã ly thân với ông T từ tháng 9/2017 đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/5/2011. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại Bản tự khai ngày 02/3/2018 như sau: Thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian chung sống, kết hôn giữa ông với bà N. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông T cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống hạnh phúc. Ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà N nên ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T thống nhất với bà N về việc ông với bà N có 01 con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/5/2011. Nếu ly hôn thì ông T không đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng mà ông đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T; về con chung, nếu ông T đề nghị được nuôi con thì bà N đồng ý giao con Nguyễn Quốc T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Bị đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn; về con chung, nếu phải ly hôn thì ông T đề nghị được nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nhưng bà N tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng thì ông T đồng ý.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T; về việc nuôi con chung, ông T và bà N thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/5/2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau năm 2010, bà N và ông T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2010 ngày 15/4/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà N cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T không đi làm, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, có lời lẽ xúc phạm bà N, ông T cũng

không quan tâm chăm sóc vợ con làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn; bà N với ông T đã ly thân từ khoảng tháng 9/2017 đến nay. Tại Bản tự khai ngày 02/3/2018 và tại phiên tòa, ông T mặc dù có ý kiến là còn thương bà N, không muốn ly hôn nhưng ông không đưa ra được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Ngọc với ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Tại phiên tòa, bà Ngọc với ông T thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/5/2011 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, bà N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này theo quy định tại Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn; ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; bà Ngọc cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng là có căn cứ.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228, 246, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/5/2011 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 4 năm 2018.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), gồm 300.000 đồng án phí giải quyết ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013661, ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm nộp tiếp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- UBND phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế